

Số: /STP-XDPBPL
V/v hướng dẫn thực hiện xây dựng,
ban hành văn bản quy phạm pháp
luật của Hội đồng nhân dân tỉnh,
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy
ban nhân dân tỉnh

Đồng Nai, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các sở, ban, ngành

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật); Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp tại Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai, Sở Tư pháp hướng dẫn công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh như sau:

A. XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

I. THẨM QUYỀN BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thẩm quyền ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật, cụ thể:

“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;

d) Thực hiện thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.”

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT (Thực hiện từ Điều 43 đến Điều 48 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)

Việc xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

1. Đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân

Cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân, đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật, gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Việc đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Văn bản đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung cần thiết khác; dự kiến thời gian trình thông qua hoặc ban hành.

2. Soạn thảo nghị quyết

Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật. Nội dung đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật.

Trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản;

b) Tổ chức việc soạn thảo

Trường hợp cần thiết, thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) để tư vấn cho cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo;

c) Đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh (nay là Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai) trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật;

d) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ;

đ) Gửi hồ sơ dự thảo văn bản và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị;

e) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản;

g) Hồ sơ dự thảo nghị quyết để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm dự thảo các tài liệu sau đây:

- Dự thảo Tờ trình theo mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

- Dự thảo nghị quyết theo mẫu số 17, mẫu số 18, mẫu số 23, mẫu số 24, mẫu số 25, mẫu số 26 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo mẫu số 08 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo theo mẫu số 12 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) theo mẫu số 06 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật theo mẫu số 03 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

h) Việc truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện từ thời điểm lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp về dự thảo nghị quyết đến khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Nội dung truyền thông thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Góp ý dự thảo nghị quyết

a) Các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

Trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày, đối với nghị quyết ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. Trong đó, Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày và trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

4. Thẩm định dự thảo nghị quyết

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy định tại điểm g khoản 2 Mục II Phần A Công văn này và bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

c) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý dự thảo văn bản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

d) Trường hợp Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp kết luận văn bản chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản và gửi Sở Tư pháp thẩm định lại theo quy định tại khoản 8 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định trình dự thảo nghị quyết

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, bao gồm: Tài liệu quy định tại điểm g khoản 2 Mục II Phần A Công văn này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo; Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo văn bản theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc trình dự thảo nghị quyết đến Hội đồng nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Thẩm tra dự thảo nghị quyết

Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan trình dự thảo nghị quyết (Ủy ban nhân dân tỉnh) phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết. Hồ sơ dự thảo văn bản gửi thẩm tra được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: Tài liệu quy định tại điểm g khoản 2 Mục II Phần A Công văn này, trong đó tờ trình được ký và đóng dấu cơ quan trình, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai cơ quan trình; các báo cáo được ký và đóng dấu của cơ quan chủ trì soạn thảo, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo; Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;

Báo cáo thẩm tra được đồng thời gửi đến cơ quan trình nghị quyết chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. VIỆC XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THEO TRÌNH TỰ THỦ TỤC RÚT GỌN

Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự thủ tục rút gọn phải đảm bảo quy định tại Điều 59a

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Việc đề nghị, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trước hoặc trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật, cụ thể:

a) Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;

b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

c) Trường hợp cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

d) Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

đ) Trường hợp cần điều chỉnh thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn;

e) Trường hợp ban hành văn bản quy định chi tiết của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt.

3. Văn bản đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật, gồm:

a) Sự cần thiết ban hành, trong đó nêu rõ vấn đề phát sinh trong thực tiễn, dự báo tác động tiêu cực đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và hậu quả có thể xảy ra nếu không kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết;

b) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

c) Dự kiến nội dung chính của văn bản quy phạm pháp luật;

d) Căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo nội dung tại điểm a tiểu khoản này (khoản 1 Điều 50 Luật).

4. Thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Hồ sơ gửi thẩm định dự thảo gồm văn bản đề nghị thẩm định; dự thảo tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; tài liệu khác (nếu có);

b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định dự thảo. Đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời gian thẩm định không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

c) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình ý kiến thẩm định. Trường hợp cơ quan thẩm định kết luận dự thảo chưa đủ điều kiện

trình, cơ quan chủ trì soạn thảo phải tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo để thẩm định lại. Việc thẩm định lại được thực hiện theo các bước quy định tại điểm c khoản 4 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

5. Việc thẩm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo khoản 5 Điều 59a của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

6. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 51 Luật.

Hồ sơ trình dự thảo nghị quyết bao gồm: tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; tài liệu khác (nếu có).

B. XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

I. THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Thẩm quyền ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật, cụ thể:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.”.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH (Thực hiện từ Điều 49 đến Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)

Việc xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

1. Đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

Cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quân sự, công an tỉnh, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tự mình hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật.

Việc đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Văn bản đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung cần thiết khác; dự kiến thời gian trình thông qua hoặc ban hành.

2. Phân công soạn thảo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cơ quan chủ trì soạn thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

3. Soạn thảo quyết định

Sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 5 Điều 2, Điều 3, khoản 2, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

3.1. Về trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo

a) Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật.

Trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) để tư vấn cho cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo;

c) Đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật;

d) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ;

đ) Gửi hồ sơ dự thảo văn bản và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị;

e) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản.

3.2. Về thành phần hồ sơ

Hồ sơ dự thảo quyết định bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Tờ trình theo mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

b) Dự thảo quyết định theo các mẫu số 19, mẫu số 20, mẫu số 23, mẫu số 24, mẫu số 25, mẫu số 26 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo mẫu

số 08 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo theo mẫu số 12 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) theo mẫu số 06 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

g) Việc truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện từ thời điểm lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp về dự thảo quyết định đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Nội dung truyền thông thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

4. Góp ý dự thảo Quyết định

a) Các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

Trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày, đối với nghị quyết ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. Trong đó, Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày và trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

5. Thẩm định dự thảo quyết định

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, gồm các tài liệu được nêu tại các điểm a, b, c, d, đ tiểu khoản 3.2 khoản 3 Mục II Phần B Công văn này và bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Sở Tư pháp trong trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định.

- Trường hợp Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp kết luận văn bản chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản và gửi Sở Tư pháp thẩm định lại theo quy định.

c) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý dự thảo văn bản theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo quyết định

Việc xem xét, thông qua dự thảo quyết định được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

- Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản;

- Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

b) Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

- Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 50 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo;

- Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

c) Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành quyết định.

III. XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THEO TRÌNH TỰ THỦ TỤC RÚT GỌN

Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo trình tự thủ tục rút gọn phải đảm bảo quy định tại Điều 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Việc đề nghị, soạn thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Việc thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

C. XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

I. THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Thẩm quyền ban hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật, cụ thể:

“3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Biện pháp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.”

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

(Thực hiện từ Điều 51a đến Điều 51c Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)

Việc xây dựng, ban hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

1. Phân công soạn thảo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công hoặc trên cơ sở đăng ký của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quân sự, công an tỉnh, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 51a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Soạn thảo quyết định

Sau khi được phân công theo quy định, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 1 Điều 51a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

2.1. Về trách nhiệm của cơ quan soạn thảo

a) Đánh giá việc thi hành pháp luật ở địa phương để xác định nội dung phân cấp và biện pháp chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản.

đ) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày và trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

e) Việc truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện từ thời điểm lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp về dự thảo quyết định đến khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Nội dung truyền thông thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2.2. Về thành phần hồ sơ lấy ý kiến

Hồ sơ dự thảo quyết định bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 51a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Tờ trình theo mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

b) Dự thảo quyết định theo các mẫu số 21, mẫu số 22, mẫu số 23, mẫu số 24, mẫu số 25, mẫu số 26 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

c) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) theo mẫu số 06 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

3. Thẩm định dự thảo quyết định

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 51b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, gồm các tài liệu được nêu tại các điểm a, b, c, d, đ tiểu khoản 2.2 khoản 2 Mục II Phần C Công văn này và bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 51b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP trong trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định.

c) Trường hợp Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp kết luận văn bản chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản và gửi Sở Tư pháp thẩm định lại theo quy định tại khoản 8 Điều 51b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo quyết định

4.1. Việc xem xét, thông qua dự thảo quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 51c Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

b) Hồ sơ dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

- Tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 51b của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo;

- Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành quyết định.

III. XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THEO TRÌNH TỰ THỦ TỤC RÚT GỌN

Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng, ban hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo trình tự thủ tục rút gọn phải đảm bảo quy định tại Điều 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Việc đề nghị, soạn thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gửi thẩm định dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh bao gồm: văn bản đề nghị thẩm định; dự thảo tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; tài liệu khác (nếu có).

Thời hạn thẩm định, việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, thẩm định lại thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị các sở, ban, ngành phối hợp, triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ về Sở Tư pháp (qua Phòng Xây dựng và Phổ biến pháp luật – số điện thoại: 0251.3941586) để được hướng dẫn, giải đáp kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, PGD Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDPBPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thanh Long